

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v “*Ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Ông Lê Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:

Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh S, sinh ngày 16/7/1985.

Trú tại: k 3, thị trấn Bì, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Anh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 15/4/2022.

*Bị đơn: Chị D, sinh ngày 03/01/1990.

ĐKTT: k 3, thị trấn Bì, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở: Ấp 5, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 15/4/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021, trong quá trình tố tụng anh S trình bày:

Anh và chị D tự nguyện kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào ngày 16/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay và hai bên gia đình có nhiều lần vận động vợ chồng anh hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay, anh nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D .

Về con chung: Có 01 con chung: Ng, sinh ngày 07/7/2015. Con chung hiện nay đang sống chung với anh S . Nay, anh S yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/4/2022 và trong quá trình tố tụng vụ án, chị D trình bày:

Chị thống nhất với anh S trình bày về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về tình cảm vợ chồng, chị xác định vợ chồng khi chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh S xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung: Ng, sinh ngày 07/7/2015, hiện đang sống với anh S , chị đồng ý để anh S nuôi cháu Ng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX (Hội đồng xét xử) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh S ly hôn với chị D . Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh S được nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh S và bị đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/4/2022. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: anh S và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bình Đại theo quy định pháp luật vào ngày 16/10/2019, do đó, hôn nhân của anh S và chị D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh S và chị D thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh S là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Lộc, sinh ngày 07/7/2015, cháu Lộc hiện đang sống cùng anh S, anh S có nguyện vọng nuôi con chung và chị D cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống và phát triển bình thường của cháu Lộc, HĐXX chấp nhận anh S được nuôi cháu Lộc và ghi nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh S phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho anh S ly hôn với chị D.

2. Về con chung: Anh S được quyền nuôi con chung Ng, sinh ngày 07/7/2015. Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0003418 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND thị trấn B;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Quang – Lê Văn Đạo

Nguyễn Thanh Tùng